

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

- Nhận biết và đọc đúng âm e, ê; đọc đúng các tiếng, từ ngữ, câu có âm e, ê; hiểu và trả lời được các câu hỏi có liên quan đến nội dung đã đọc.
- Viết đúng chữ e, ê; viết đúng các tiếng, từ ngữ có chứa e, ê.

- Phát triển vốn từ dựa trên những từ ngữ chứa âm *e, ê* có trong bài học.
- Phát triển triển ngôn ngữ nói theo chủ điểm được gợi ý trong tranh *Trên sân trường*.
- Phát triển kĩ năng quan sát, nhận biết nhân vật bà, mẹ, bé và bạn bè, suy đoán nội dung tranh minh hoạ: “Bé kể mẹ nghe về bạn bè”, “Bà kể bé”, và tranh “Trên sân trường”.
- Cảm nhận được tình cảm gia đình.

II CHUẨN BỊ

- Nắm vững đặc điểm phát âm của âm *e, ê*. Căn sửa cách phát âm của một số vùng: âm *e* thành *i-e* (*e* “bẹt”, kéo dài): *Con cò bi-ê bi-ê/ Nó đậu cành tri-e*.
- Nắm vững cấu tạo, quy trình và cách viết chữ *e, ê*; nghĩa của các từ ngữ *bè, bé, bế* trong bài học và cách giải thích nghĩa của những từ ngữ này. Chú ý nghĩa của từ khó (*bè* vật được làm từ nhiều thân cây kết lại tạo thành vật nổi trên mặt nước; được dùng làm phương tiện vận chuyển trên sông nước).

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1

1. Ôn và khởi động

Ôn lại chữ *c, dấu sắc* vừa học và tạo tâm thế cho giờ học bằng trò chơi phù hợp.

2. Nhận biết

- HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Em thấy gì trong tranh? Bé kể cho mẹ nghe những chuyện gì về bạn bè?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.
- GV nói câu thuyết minh (nhận biết) dưới tranh và HS nói theo. GV cũng có thể đọc thành tiếng câu nhận biết và yêu cầu HS đọc theo. GV đọc từng cụm từ, sau mỗi cụm từ thì dừng lại để HS đọc theo. GV và HS lặp lại câu nhận biết một số lần: *Bé/ kể mẹ nghe/ về bạn bè*.
- GV hướng dẫn HS nhận biết tiếng có âm *e, ê* và giới thiệu chữ ghi âm *e, ê*.

3. Đọc

a. Đọc âm

- Đọc âm *e*
 - + GV đưa chữ ghi âm *e* lên bảng để giúp HS nhận biết chữ mới trong bài học.
 - + GV đọc mẫu âm *e*.
 - + Một số (4 – 5) HS đọc âm *e*, sau đó từng nhóm và cả lớp đọc đồng thanh một số lần.
 - Đọc âm *ê*
- Quy trình giống với quy trình đọc âm *e*.

b. Đọc tiếng

- Đọc tiếng mẫu
 - + GV giới thiệu mô hình tiếng mẫu (trong SHS) *bé, bế*. GV khuyến khích HS vận dụng mô hình các tiếng đã học để nhận biết mô hình và đọc thành tiếng *bé, bế*.
 - + Một số (4 - 5) HS đánh vần tiếng mẫu *bé, bế* (*bờ - e - bé - sắc - bé; bờ - ê - bê - sắc - bê*). Lớp đánh vần đồng thanh tiếng mẫu.
 - + Một số (4 - 5) HS đọc trơn tiếng mẫu. Cả lớp đọc trơn đồng thanh tiếng mẫu.
- Ghép chữ cái tạo tiếng
 - + HS tự tạo các tiếng có chứa *e, ê*.
 - HS tìm chữ *b* ghép với chữ *e* và *dấu huyền* để tạo tiếng *bè*.
 - HS tìm chữ *b* ghép với chữ *e* và *dấu sắc* để tạo tiếng *bé*.
 - HS tìm chữ *b* ghép với chữ *ê* và *dấu sắc* để tạo tiếng *bế*.
 - + GV yêu cầu 3 - 4 HS phân tích tiếng, 2 - 3 HS nêu lại cách ghép tiếng.

c. Đọc từ ngữ

- GV lần lượt đưa tranh minh hoạ cho từng từ *bè, bé, bế*. Sau khi đưa tranh minh hoạ cho mỗi từ ngữ, chẳng hạn *bè*, GV nêu yêu cầu nói tên sự vật trong tranh. GV cho từ *bè* xuất hiện dưới tranh. HS phân tích và đánh vần tiếng *bè*, đọc trơn từ *bè*. GV thực hiện các bước tương tự đối với *bé, bế*.
- HS đọc trơn nối tiếp, mỗi HS đọc một từ ngữ. 3 - 4 lượt HS đọc. 2 - 3 HS đọc trơn các từ ngữ. Lớp đọc đồng thanh một số lần.

d. Đọc lại các tiếng, từ ngữ

Từng nhóm và sau đó cả lớp đọc đồng thanh một lần.

4. Viết bảng

- GV đưa mẫu chữ *e, ê* và hướng dẫn HS quan sát.
- GV viết mẫu, nêu quy trình và cách viết chữ *e, ê*.
- HS viết vào bảng các chữ *e, ê, bé, bế, bẽ* (chữ viết thường, chữ cỡ vừa) chú ý khoảng cách giữa các chữ trên một dòng và liên kết các nét giữa chữ *e, ê* và các chữ khác.
- HS nhận xét bài của bạn.
- GV nhận xét, đánh giá chữ viết của HS.
- GV quan sát và sửa lỗi cho HS.

TIẾT 2

5. Viết vở

- HS tô và viết vào vở *Tập viết 1, tập một* chữ *e, ê*; từ *bé, bế*.
- GV quan sát và hỗ trợ những HS gặp khó khăn khi viết hoặc viết chưa đúng cách.
- GV nhận xét, đánh giá và sửa lỗi cho HS.

6. Đọc câu

- HS đọc thắm cả câu; tìm tiếng có âm *e, ê*.
- GV đọc mẫu cả câu *Bà bế bé*.

- HS đọc thành tiếng cả câu (theo cá nhân hoặc theo nhóm), sau đó cả lớp đọc đồng thanh theo GV.
- HS trả lời một số câu hỏi về nội dung đã đọc: *Ai đang bế bé? Vẽ mặt của em bé như thế nào? Vẽ mặt của bà như thế nào?*
- GV và HS thống nhất câu trả lời.

7. Nói theo tranh

- HS quan sát tranh trong SHS. GV đặt từng câu hỏi cho HS trả lời: *Tranh vẽ cảnh ở đâu? (Sân trường); Vào lúc nào? (Giờ ra chơi); Có những ai trong tranh? (Học sinh); Bao nhiêu người? (12 HS, lưu ý có 2 HS đứng ở hành lang lớp học); Các bạn đang làm gì? (Các bạn đang chơi. Bốn bạn nhảy dây; hai bạn chơi đá cầu; hai bạn chơi đuổi bắt; hai bạn đọc sách ở ghế đá; hai bạn đứng ở hành lang lớp học); Trong tranh còn có gì khác? (Trong tranh còn có cây, ghế đá, lớp học ở xa,...)*
- Một số (2 – 3) HS trả lời những câu hỏi trên. Với sự gợi ý của GV, có thể trao đổi thêm về giờ ra chơi.
- GV có thể mở rộng, dẫn dắt HS vui chơi trong giờ ra chơi, nhưng chú ý bảo đảm an toàn cho mình và cho bạn.

8. Củng cố

- HS tìm một số từ ngữ chứa âm *e, ê* và đặt câu với từ ngữ tìm được.
- GV nhận xét chung giờ học, khen ngợi và động viên HS.
- GV lưu ý HS ôn lại các chữ *e, ê* và khuyến khích HS thực hành giao tiếp ở nhà.